

Bản án số: 37/2025/HS-ST
Ngày: 09-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga

Thẩm phán: Ông Trần Văn Nhum

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Đức
Ông Trương Thanh Tuyết
Ông Vũ Văn Đán

Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:
Bà Vũ Thị Thúy Mai, bà Huỳnh Thị Dạ Lan - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15A/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2025 đối với:

- Các bị cáo:

1. Trần Đức T; giới tính: Nam; sinh năm 1976 tại Nam Định; Nơi thường trú: 4 T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: 1 đường số A, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2 (đã chết); bị cáo có 04 anh chị em ruột; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

Ngày 14/6/1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà xử phạt 18 tháng tù về tội cướp tài sản tại Bản án số 121/HSST, bị cáo đã chấp hành xong bản án, đã xóa án tích.

Ngày 18/12/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 81/HSST;

Ngày 22/3/2001, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 44/HSST (tổng hợp hình phạt của bản án số 81/HSST là 36 tháng tù giam), bị cáo đã chấp hành xong bản án, đã xóa án tích;

Ngày 21/6/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 162/2005/HSST, bị cáo đã chấp hành xong bản án, đã xóa án tích

Ngày 29/11/2011, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản và 07 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án hình sự sơ thẩm số 251/2011/HSST, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 16/02/2020, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Tuấn T3 (tên gọi khác: T3 dê); giới tính: Nam; sinh năm 1995, tại Bình Phước; nơi thường trú: tổ H, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Lê Tuấn M, sinh năm 1967 và bà Lê Thị X, sinh năm 1972; bị cáo có 04 chị em ruột; có vợ là Nguyễn Thị Yến V, sinh năm 2003.

Tiền án: Ngày 27/10/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 58/2021/HS-ST, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 20/12/2022, đã nộp tiền án phí ngày 01/7/2024.

Tiền sự: Ngày 14/02/2023, Công an xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt ngày 14/02/2023.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức T:*

Luật sư Nguyễn Thanh T4 thuộc Văn phòng L1 -Đoàn Luật sư tỉnh B, địa chỉ: Tổ F, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Tuấn T3:*

Luật sư Huỳnh Nhật Q thuộc Công ty L2 -Đoàn Luật sư tỉnh B, địa chỉ: số B H, khu phố P, phường T, thành Phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Quốc T5, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ E, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Nơi ở hiện tại: đường Đoàn Thị Điểm, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

3. Anh Trương Tấn P, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ E, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước

- *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Minh Anh P1, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 04, khu phố Phú Hòa 1, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

2. Anh Điều Quý K, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 09, khu phố Phú Hòa 1, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

3. Anh Cao Bảo T6, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

4. Anh Điều B, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 4, ấp Thanh An, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

5. Bà Nguyễn Thị Mỹ M1, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Nơi thường trú: 163 H, phường P, quận T, TP ..

Nơi ở hiện tại: Tổ D, ấp C, xã V, huyện B, TP ..

6. Bà Lê Thị X, sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: Tổ H, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

7. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Trú tại: 1 đường số A, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Anh Cù Quỳnh N, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 05, khu phố Xa Cam 1, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

9. Chị Nguyễn Thị Yến V, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Ấp Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện tại: Tổ H, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức T và Lê Tuấn T3 đều là người nghiện ma túy; T bị nhiễm HIV và đang sinh sống như vợ chồng tại tổ D, ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh cùng với Lê Thị Mỹ H, SN 1985, HKTT: 163 H, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 10/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T đã liên lạc mua mua 30.000.000 đồng ma túy Methamphetamine và Ketamine của một người đàn ông có tên thường gọi là T7 (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực Chợ C thuộc quận A, thành phố Hồ Chí Minh, sau đó mang về cất giấu trong thùng rác trước cửa nhà của T nhằm mục đích sử dụng dần.

Khoảng 06 giờ ngày 29/12/2023, khi T đang ở nhà cùng với H và con của H thì có Trương Tấn P, SN 1996, HKTT: tổ E, KP P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước đến rủ T và H lên nhà của P tại thị xã B chơi; T và H đồng ý rồi dẫn theo con của H đi cùng xe ô tô với P. Trên đường đi đến thị xã C, P nói tài xế là Trần Quốc T5, SN 2000, nơi thường trú: Tổ 5, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đón thêm Lê Tuấn T3 cùng đến nhà của P chơi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T nói đi về lại thành phố Hồ Chí Minh nên P nói để P thuê xe cho T và H. Sau đó T3 điều khiển xe ô tô biển số nhãn hiệu MAZDA 3, biển số 93A-364.78 chở T, H và con của H về. Trên đường đi, T nói cho T3 biết bản thân T bị bệnh và T có để dành tiền mua được một ít ma túy để khi nào sức khỏe yếu sẽ mang đi đâu đó sử dụng cho đến khi chết. T3 cũng kể chuyện gia đình của T3, bản thân T3 mới đi tù về, vợ T3 mới sinh con và con của T3 bị bệnh bẩm sinh, cuộc sống của T3 khó khăn. T3 nói T đưa ma túy cho T3 bán cho thì T nói “nếu muốn bán thì tao đã bán từ lâu rồi”. Sau đó T3 liên tục xin T ma túy trên suốt quãng đường đi nên T đồng ý cho T3 ma túy nhưng dặn T3 có ma túy thì để dành sử dụng, còn tiền đi làm thì dành dụm để lo cho con cái của T3.

Khi đến Cầu vượt Q thuộc quận A, thành phố Hồ Chí Minh, T nói T3 dừng xe; T xuống xe đi gặp một người phụ nữ tên L (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 1.400.000 đồng ma túy Ketamine thì L đồng ý và nhận tiền rồi đưa lại cho T một bọc nylon bên trong có ma túy, T cất vào túi quần và lên xe để T3 chở về huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 20 giờ về đến nhà T, T3 đi cùng T, H và con của H vào nhà. Lúc này T lấy gói nylon màu xanh bên trong có ma túy mua của T7 trước đó đang cất giấu ở trong thùng rác trước cửa nhà đưa cho T3, T3 cầm lấy gói ma túy, sau đó T đi tắm rửa. Khi đi tắm, T lấy một ít ma túy mua của L đổ lên mu bàn tay rồi sử dụng một mình, số ma túy còn lại T tiếp tục cất giấu trong người để sử dụng. Sau khi tắm xong, T thấy T3 đã xuống xe ô tô ngồi. Lúc này T cãi nhau với H nên đã lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy và gói ma túy mua của L đi ra xe ô tô T3 đang ngồi nói T3 chở T quay lại thị xã B để chơi tiếp. Khi lên xe ô tô T3 chở, T để gói ma túy mua của L dưới chân chỗ T ngồi ở hàng ghế sau phía bên phải, T tháo nỏ thủy tinh để trong bàn gấp để nước sát chỗ T ngồi còn thân bình thì để trong hộc để đồ ghế trước mặt T. Trên đường đi, T đổ một ít ma túy mua của L ra mu bàn tay rồi sử dụng một mình, số ma túy còn lại T tiếp tục để dưới chân của T. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/12/2023, khi đi đến khu vực Quốc lộ A thuộc tổ C, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước thì bị lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện tại vị trí để chân của hàng ghế sau, phía bên phải, hướng trước mặt sát chân phải của T đang ngồi có 01 gói nylon trong suốt dạng hình chữ nhật, miệng có khóa miết, kích thước (7,0 x 11) cm bên trong gói nylon chứa ma túy Ketamine của T mua của L trước đó cất giấu để sử dụng; tại vị trí mặt sau của ghế trong hộc để đồ của ghế trước phía bên phải, bên cạnh ghế tài xế có 01 chai nhựa màu trắng, có gắn nắp chai màu trắng, trên nắp chai được đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng và tại vị trí giữa hàng ghế sau chỗ để tay phía bên trong hộc có 01 đoạn ống thủy tinh được uốn cong có một đầu phình ra dạng hình cầu có chứa ma túy đá của T chưa sử dụng hết, những đồ vật này là của T mang theo với mục đích để

sử dụng ma túy; thu giữ bên trong hộp đồ của cửa xe trước phía bên trái ghế tài xế, sát vị trí Lê Tuấn T3 đang ngồi có 02 gói nylon màu đen được cuộn lại bên trong có chứa ma túy Methamphetamine và ma túy Ketamine Thuận mua của T7 trước đó khi gặp T3 vào ngày 29/12/2023 đã cho T3 với mục đích để T3 sử dụng; thu giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số máy: P520836524, số khung: RN2B12SAANM098649, biển kiểm soát: 93A-36478; 01 điện thoại OPPO màu đen, có gắn số sim 0362598259 của Lê Tuấn T3 và 01 điện thoại Iphone 14 pro max, màu vàng, có gắn ốp lưng màu trắng viền màu vàng, gắn số sim 0987333839 của Trần Đức T. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, T3 và thu giữ đồ vật, tài liệu có liên quan [bút lục 01-05; 526-571].

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại tổ D, ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh phát hiện, thu giữ đồ vật gồm: 01 cuộn băng keo dán bằng nylon trong suốt; 21 túi nylon màu đen; 01 thẻ nhớ màu đen của camera trong phòng thứ hai đối diện với cầu thang đi lên gác và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa có chữ “ion”, có gắn nắp chai màu trắng, trên nắp được đục 02 lỗ, một lỗ gắn ống hút bằng nhựa màu xanh, một lỗ gắn ống thủy tinh được uốn cong có một đầu phình ra, dạng hình cầu trên nóc tủ phía bên phải từ cửa đi vào phòng thứ nhất phía bên phải từ cửa chính đi vào. Kết quả kiểm tra T, T3 dương tính với ma túy. Quá trình điều tra Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên [bút lục 49-50]. Riêng Lê Tuấn T3 không thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ khai nhận có sử dụng trái phép chất ma túy cùng T và hai, ba người lạ mặt (không rõ nhân thân lai lịch) tại nhà của T thuộc tổ D, ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/12/2023. Tuy nhiên, căn cứ hệ thống chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ chứng minh ngày 29/12/2023, T3 đã nhận ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 249,1463 gam loại Ketamine có khối lượng 5,9660 gam từ T rồi mang lên xe ô tô biển số 93A-364.78 của T3 cất giấu [bút lục số 98-99; 579; 597-599, 629-631].

Tại Kết luận giám định số 1334/KL-KTHS ngày 04/01/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận [bút lục 98-99]:

- Chất bột màu trắng chứa trong 01 gói nylon trong suốt, kích thước (7,0 x 11)cm, miệng có khóa miết, được niêm phong gửi giám định ký hiệu M là chất ma túy loại Ketamine có khối lượng M = 1,9073 gam;

- Chất tinh thể màu trắng chứa trong gói nylon trong suốt, kích thước (7,0 x 11) cm, miệng có khóa miết được bọc tờ giấy ăn màu trắng xung quanh niêm phong gửi giám định ký hiệu M1-1 là chất ma túy loại Ketamine có khối lượng M1-1 = 5,9660 gam;

- Chất rắn màu nâu có trong ống thủy tinh được niêm phong gửi giám định ký hiệu M6 là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng M6 = 0,0680 gam;

- Chất tinh thể màu trắng chứa trong gói nylon trong suốt, kích thước (7,0 x 11) cm, miệng có khóa miết niêm phong gửi giám định ký hiệu M1-2 là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng M1-2 = 49,8463 gam;

- Chất tinh thể màu trắng chứa trong túi nylon màu xanh, kích thước (19 x 26) cm niêm phong gửi giám định ký hiệu M3 là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng M3 = 199,30 gam.

Tổng cộng: 257,0876 gam ma túy (trong đó Ketamine: 7,8733 gam; Methamphetamine 249,2143 gam).

H1 lại đối tượng giám định: Mẫu hoàn lại được niêm phong có khối lượng: M = 1,6628 gam; M1-1 = 5,1488 gam; M1-2 = 48,3287 gam; M3 = 195,50 gam. Mẫu M6 sử dụng hết cho giám định.

Tại Kết luận giám định số 519/KL-KTHS ngày 02/01/2024 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh- Bộ C1 kết luận [bút lục 108]:

- Trên 02 que tăm bông thu dấu vết bề mặt của 03 gói nylon, bao gồm: 01 gói nylon màu đen, kích thước (8,5 x 6,5 x 3,0)cm và 02 gói nylon trong suốt, dạng hình chữ nhật có khóa miết, kích thước (11 x 7,0) cm, bên trong 02 gói nylon trong suốt chứa chất tinh thể màu trắng. Được niêm phong ký hiệu M gửi giám định có dính tế bào người, của một nam giới. Kiểu gen của nam giới này trùng với kiểu gen của Lê Tuấn T3;

- Trên 02 que tăm bông thu dấu vết bề mặt của 02 gói nylon, bao gồm: 01 gói nylon màu đen, kích thước (17 x 4,0 x 4,0) cm và 01 túi nylon màu xanh, dạng hình chữ nhật có khóa miết, kích thước (26 x 19)cm, bên trong túi nylon màu xanh chứa chất tinh thể màu trắng. Được niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định có dính tế bào người, của hai nam giới. Kiểu gen của nam giới thứ nhất trùng với kiểu gen của Lê Tuấn T3, kiểu gen của nam giới còn lại trùng với kiểu gen của Trần Đức T.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-P2 ngày 18/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Trần Đức T, Lê Tuấn T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-P2 ngày 18/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Đức T, Lê Tuấn T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Đức T mức hình phạt tù 19 đến 20 năm tù; Xử phạt bị cáo Lê Tuấn T3 mức hình phạt tù 17 đến 18 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Đức T: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã truy tố về tội danh, điều khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên về phần hình phạt mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, đang bị bệnh hiểm

nghèo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm về với gia đình và cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Tuấn T3: Thống nhất với Cáo trạng 06/CT-VKS-P2 ngày 18/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố về tội danh, về phần hình phạt đề nghị Hội đồng cân nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do tại phiên tòa bị cáo đã ăn năn, thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có con còn nhỏ sinh năm 2023. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án và lời khai người làm chứng về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm, biên bản tiếp nhận người phạm tội quả tang (BL 01-05), vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 26-47), kết luận giám định số 1334/KL-KTHS ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận giám định số 519/KL-KTHS ngày 02/01/2024 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do vậy có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng tháng 10/2023, bị cáo T đã mua 30.000.000 đồng ma túy Methamphetamine và Ketamine của một người đàn ông tên T7 (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực Chợ C thuộc quận A, thành phố Hồ Chí Minh mang về cất giấu tại nhà của T tại tổ D, ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh mục đích để sử dụng do T nghiện ma túy. Đến ngày 29/12/2023, trên đường Lê Tuấn T3 chở T và mẹ con H từ tỉnh Bình Phước quay về nhà của T thì T nói T3 dừng xe; T xuống xe đi mua 1.400.000 đồng ma túy Ketamine của một người phụ nữ tên L (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực Cầu vượt Q, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu trong người để sử dụng. Khi biết T3 có sử dụng ma túy đá và hoàn cảnh của T3 khó khăn, T3 xin ma túy sử dụng để không phải mất tiền mua nên T đã cho T3 số ma túy mua của T7 đang cất giấu trong nhà T tại tổ D, ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. T3 mang số ma túy trên lên xe ô tô biển số 93A-364.78 rồi chở T cùng đi về thị xã B. Khi đi cùng T3, T mang theo dụng cụ và số ma túy vừa mua của L nêu trên nhằm mục đích để sử dụng dần. Khi đi đến khu vực Quốc lộ A thuộc tổ C, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước thì bị bắt quả tang.

Như vậy, bị cáo T sau khi mua 30.000.000 đồng ma túy Methamphetamine và ma túy Ketamine của một người đàn ông tên T7 về để sử dụng đã tàng trữ số ma túy này tại nhà riêng. Sau đó T cho T5 số ma túy này để T5 sử dụng, T5 đã mang số ma túy này lên xe ô tô 93A-364.78 để về thị xã B mục đích sử dụng dân. Qua giám định số ma túy có khối lượng là 257,0876 gam ma túy (trong đó Ketamine: 7,8733gam; Methamphetamine 249,2143 gam). Vì vậy, hành vi của các bị cáo Trần Đức T, Lê Tuấn T3 đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số 06/CT-VKS-P2 ngày 18/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội của mình các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, nhưng vì mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân chính gây ra các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương.

[4] Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T3 có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cụ thể: ngày 27/10/2021, bị cáo T3 bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 58/2021/HS-ST, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 20/12/2022. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích, đến ngày 29/12/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T3 ban đầu không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã “thành khẩn khai báo” đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng đối với các bị cáo. Bị cáo T đang bị bệnh hiểm nghèo, bị cáo T3 có con còn nhỏ đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng khi xem xét hình phạt đối với bị cáo.

Xét tính chất, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương, gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh để răn đe, đồng thời nhằm nâng cao ý thức đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy và phòng ngừa chung cho xã hội là điều cần thiết.

[5] Các nội dung khác:

Đối với Điều B mua ma túy của một người tên T3 để sử dụng. Cơ quan điều tra đã cho Đ Bàng nhận dạng Lê Tuấn T3 kết quả Bàng xác định Lê Tuấn T3

không phải là người bán ma túy cho B. Số ma túy mà B mua cũng đã sử dụng hết nên không có cơ sở xem xét hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý.

Đối với Cao Bảo T6 đã mua ma túy với giá 280.000 đồng của người tên T3 để sử dụng, tuy nhiên vì thời gian đã lâu nên không nhớ đặc điểm, không nhận dạng được T3. Số ma túy mà T6 mua cũng đã sử dụng hết nên không có cơ sở xem xét hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy nên không xem xét xử lý.

Đối với lời khai của bị cáo T3 về việc có sử dụng trái phép chất ma túy cùng với T và hai, ba người lạ mặt tại nhà của T tại tổ D, ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/12/2023; ma túy đá và dụng cụ sử dụng ma túy đều là của T cung cấp, nhưng T3 không nhớ đặc điểm của bộ D1 sử dụng ma túy đá, không biết nhân thân lai lịch của những người cùng sử dụng ma túy. Lời khai bị cáo T xác định chỉ cho T3 ma túy để T3 mang về sử dụng chứ không cho T3 sử dụng ma túy tại chỗ ở của T và không có ai sử dụng ma túy tại nhà T vào ngày 29/12/2023. T xác định thời điểm này trong nhà T chỉ có T3, T, Lê Thị Mỹ H và hai người con nhỏ của H; lời khai bà Lê Thị Mỹ M2 (mẹ của H) xác định bà M2 không có mặt tại nhà này vào ngày 29/12/2023; kết quả xác minh hiện nay bà M2 và bà H không có mặt tại địa phương, không làm việc được nên không rõ những người có mặt tại nhà T vào ngày 29/12/2023. Ngoài lời khai T3 thì không còn chứng cứ nào khác nên không có cơ sở xử lý bị cáo T về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Trương Tấn P, Trần Quốc T5: kết quả điều tra xác định không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo T và T3 nên không xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông tên T7 và người phụ nữ tên L là những người bán ma túy cho bị can Trần Đức T, có dấu hiệu phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, kết quả điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không xem xét xử lý.

[6] Vật chứng vụ án:

Tịch thu, tiêu hủy: Các vật chứng còn lại đã thu giữ trong quá trình điều tra là các vật cấm lưu hành và các vật không còn giá trị sử dụng, cụ thể:

Một mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu 1334/M6, là 01 ống thủy tinh được uốn cong có phần đầu phình to được cho vào phong bì niêm phong được dán kín, bên ngoài phong bì có chữ ký, họ tên xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, ông Bùi Văn D, ông Trần Đức T và ông Lê Tuấn T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B; 01 mẫu vật hoàn lại sau giám định là chất ma túy loại Ketamine có khối lượng 1,6628 gam được ký hiệu 1334/M chứa trong 01 phong bì được dán kín, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, ông Bùi Văn D, ông Trần Đức T và ông Lê Tuấn T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B; 01 phong bì niêm phong được dán kín, bên trong chứa 02 mẫu vật là chất ma túy hoàn lại sau giám định, bên ngoài có chữ ký, họ tên xác

nhận của ông Nguyễn Văn H2, ông Bùi Văn D, ông Trần Đức T và ông Lê Tuấn T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B ký hiệu 1334/M1; 01 mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu 1334/M3 là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 195,50 gam chứa trong 01 túi nylon màu xanh, miệng khóa miết, kích thước (19 x 26)cm được cho vào phong bì niêm phong được dán kín, trên phong bì có chữ ký, họ tên xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, ông Bùi Văn D, ông Trần Đức T và ông Lê Tuấn T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B; 01 chai nhựa màu trắng, có gắn nắp chai màu trắng, trên nắp chai được đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng; 01 cuộn băng keo trong suốt dạng hình tròn; 21 (hai mươi mốt) túi nylon màu đen; 01 chai nhựa có chữ ion, có gắn nắp chai màu trắng, trên nắp chai được đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu xanh, một lỗ gắn nỏ thủy tinh được uốn cong có phần đầu ống phình ra dạng hình cầu; Mẫu vật hoàn lại sau giám định là 01 phong bì cắt một đầu hở, bên trong có 10 sợi tóc của Trần Đức T được gói trong tờ giấy màu trắng, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Trần Đức T, và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P; mẫu vật hoàn lại sau giám định là 01 (một) phong bì cắt một đầu hở, bên trong có 10 sợi tóc của Lê Tuấn T3 được gói trong tờ giấy màu trắng, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Lê Tuấn T3, và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P; Mẫu vật hoàn lại sau giám định là 01 phong bì cắt một đầu hở, bên trong có 02 đầu tăm bông quét trên bề mặt của gói nylon màu đen có kích thước (17 x 4,0 x 4,0) cm và túi nylon màu xanh chứa chất tinh thể màu trắng, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Lê Tuấn T3, ông Trần Đức T và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P; mẫu vật hoàn lại sau giám định là 01 phong bì cắt một đầu hở, bên trong có 02 đầu tăm bông quét trên bề mặt của gói nylon màu đen có kích thước (8,5 x 6,5 x 3,0) cm và 02 gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Lê Tuấn T3, ông Trần Đức T và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P; 01 gói nylon màu đen có kích thước (8,5 x 6,5 x 3,0) cm, gói nylon màu đen có kích thước (17 x 4,0 x 4,0) cm, 01 tờ giấy ăn màu trắng tất cả được niêm phong trong túi niêm phong chuyên dụng ký hiệu NS1, mã số 061544, có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Trần Đức T, ông Lê Tuấn T3 và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P.

Trả lại cho bị cáo Trần Đức T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max do không liên quan đến vụ án

Trả lại cho Lê Tuấn T3: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 do không liên quan đến vụ án.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo các bị cáo Trần Đức T, Lê Tuấn T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Đức T 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, các Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn T3 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2023.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu 1334/M6, là 01 ống thủy tinh được uốn cong có phần đầu phình to được cho vào phong bì niêm phong được dán kín, bên ngoài phong bì có chữ ký, họ tên xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, ông Bùi Văn D, ông Trần Đức T và ông Lê Tuấn T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B; 01 mẫu vật hoàn lại sau giám định là chất ma túy loại Ketamine có khối lượng 1,6628 gam được ký hiệu 1334/M chứa trong 01 phong bì được dán kín, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, ông Bùi Văn D, ông Trần Đức T và ông Lê Tuấn T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B; 01 phong bì niêm phong được dán kín, bên trong chứa 02 mẫu vật là chất ma túy hoàn lại sau giám định, bên ngoài có chữ ký, họ tên xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, ông Bùi Văn D, ông Trần Đức T và ông Lê Tuấn T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B ký hiệu 1334/M1; 01 mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu 1334/M3 là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 195,50 gam chứa trong 01 túi nylon màu xanh, miệng khóa miết, kích thước (19 x 26)cm được cho vào phong bì niêm phong được dán kín, trên phong bì có chữ ký, họ tên xác nhận của ông Nguyễn Văn H2, ông Bùi Văn D, ông Trần Đức T và ông Lê Tuấn T3 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh B; 01 chai nhựa màu trắng, có gắn nắp chai màu trắng, trên nắp chai được đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu trắng; 01 cuộn băng keo trong suốt dạng hình tròn; 21 (hai mươi mốt) túi nylon màu đen; 01 chai nhựa

có chữ ion, có gắn nắp chai màu trắng, trên nắp chai được đục hai lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa màu xanh, một lỗ gắn nõ thủy tinh được uốn cong có phần đầu ống phình ra dạng hình cầu; Mẫu vật hoàn lại sau giám định là 01 phong bì cắt một đầu hở, bên trong có 10 sợi tóc của Trần Đức T được gói trong tờ giấy màu trắng, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Trần Đức T, và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P; mẫu vật hoàn lại sau giám định là 01 (một) phong bì cắt một đầu hở, bên trong có 10 sợi tóc của Lê Tuấn T3 được gói trong tờ giấy màu trắng, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Lê Tuấn T3, và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P; Mẫu vật hoàn lại sau giám định là 01 phong bì cắt một đầu hở, bên trong có 02 đầu tăm bông quét trên bề mặt của gói nylon màu đen có kích thước (17 x 4,0 x 4,0) cm và túi nylon màu xanh chứa chất tinh thể màu trắng, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Lê Tuấn T3, ông Trần Đức T và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P; mẫu vật hoàn lại sau giám định là 01 phong bì cắt một đầu hở, bên trong có 02 đầu tăm bông quét trên bề mặt của gói nylon màu đen có kích thước (8,5 x 6,5 x 3,0) cm và 02 gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng, trên phong bì có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Lê Tuấn T3, ông Trần Đức T và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P; 01 gói nylon màu đen có kích thước (8,5 x 6,5 x 3,0) cm, gói nylon màu đen có kích thước (17 x 4,0 x 4,0) cm, 01 tờ giấy ăn màu trắng tất cả được niêm phong trong túi niêm phong chuyên dụng ký hiệu NS1, mã số 061544, có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn D, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Dương Minh Anh P1, ông Điều Quý K1, ông Trần Đức T, ông Lê Tuấn T3 và đóng dấu mộc tròn đỏ của Công an phường P.

Trả lại cho bị cáo Trần Đức T: 01 bì thư dán kín niêm phong bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max hoàn lại sau giám định, bên ngoài có chữ ký của Trần Xuân T8, Bùi Văn T9 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B (ký hiệu A2).

Trả lại cho Lê Tuấn T3: 01 bì thư dán kín niêm phong bên trong có 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 hoàn lại sau giám định, bên ngoài có chữ ký của điều tra viên Trần Xuân T8, giám định viên Bùi Văn T9 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh B (ký hiệu A1).

(Các vật chứng trên theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0000419, quyển số 0009 giữa Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước ngày 03/3/2025)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Đức T, Lê Tuấn T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- CQĐT, PV06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Trại giam Công an tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS (18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga